

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **28/2018/DS-ST**

Ngày: 15/8/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Dương Diễm.

2. Ông Bạch Đình Ca.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-DS ngày 07/3/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: đường V, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh Đ, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Trường G, sinh năm 1985, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch C, trực thuộc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B.

Địa chỉ: Km 20 Quốc lộ X, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà H P Adrong, sinh năm 1964 và ông Y K Byă, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:**

Ngày 17/7/2015, bà H P Adrong, ông Y K Byă (bị đơn) có vay của Ngân hàng TMCP Đ- PGD H, chi nhánh B Đắc Lắc (nguyên đơn) số tiền 230.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 209000879802/HĐTD, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 11%/ năm, lãi suất điều chỉnh 06 tháng/ lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền gốc trả thành các kỳ: Ngày 17/7/2016 trả 75.000.000đ, ngày 17/7/2017 trả 75.000.000đ, ngày 17/7/2018 trả 80.000.000đ. Lãi suất 03 tháng trả một lần. Mục đích vay để đầu tư sản xuất cà phê.

Khi vay bị đơn có thể chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/0053451295/HĐTC ngày 16/7/2015 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: R 608058 do UBND huyện K cấp ngày 08/6/2001 cho hộ bà H P Adrong. Hợp đồng thế chấp được thực hiện theo quy định pháp luật.

Trong quá trình vay bị đơn đã trả lãi cho Ngân hàng đến hết ngày 19/7/2016 số tiền 25.737.222đ. Đến kỳ trả nợ gốc ngày 17/7/2016 và ngày 17/7/2017 bị đơn không trả mặc dù Ngân hàng đã đốc thúc nhiều lần.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 296.856.806đ trong đó số tiền gốc là 230.000.000đ, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 14/8/2018 là 66.856.806đ; tiếp tục tính lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đến khi bị đơn trả hết nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện: Nếu bị đơn không trả nợ yêu cầu phát mãi (xử lý) tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp tài sản thế chấp không đủ yêu cầu bị đơn dùng nguồn thu nhập khác để trả hết nợ. Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bị đơn trình bày như sau:**

Ngày 17/7/2015, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 230.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 209000879802/HĐTD, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 11%/ năm, lãi suất điều chỉnh 06 tháng/ lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền gốc trả thành các kỳ: Ngày 17/7/2016 trả 75.000.000đ, ngày 17/7/2017 trả 75.000.000đ, ngày 17/7/2018 trả 80.000.000đ. Lãi suất 03 tháng trả một lần. Mục đích vay để đầu tư sản xuất cà phê, phục vụ mục đích gia đình.

Khi vay bị đơn có thể chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/0053451295/HĐTC ngày 16/7/2015 là GCNQSDĐ số: R 608058 do UBND huyện K cấp ngày 08/6/2001 cho hộ bị đơn là bà H P Adrong.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ bị đơn có các thành viên: Bà H P Adrong, ông Y K Byă, các con là: Y N Adrong, sinh ngày 01/02/1992, Y Th Adrong, sinh ngày 15/02/1994, H M Adrong, sinh ngày 01/12/1996. Ngoài ra còn con là H D Adrong, sinh ngày 31/02/2003 nhưng chưa có tên trong sổ hộ khẩu. Hợp đồng thế chấp do bà H P Adrong, ông Y K Byă trực tiếp ký tại Văn phòng công chứng C, có sự ủy quyền của Y N Adrong và H M Adrong, không có Y Th Adrong (vì Y Th đã tách hộ khẩu năm 2014). Nay Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm bị đơn không có ý kiến gì.

Trong quá trình vay bị đơn đã trả lãi cho Ngân hàng đến hết ngày 19/7/2016 số tiền 25.737.222đ như nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với số tiền gốc đã quá hạn trả nợ vào các ngày 17/7/2016 và 17/7/2017 nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn không có tiền để trả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu trả toàn bộ số tiền gốc 230.000.000đ và lãi suất phát sinh bị đơn đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay do khó khăn nên bị đơn mong Ngân hàng tạo điều kiện cho bị đơn trả thành hai đợt: Đợt 1 vào tháng 11/2018 trả một nửa số tiền gốc và lãi, đợt 2 vào tháng 3/2019 trả hết số nợ gốc và lãi còn lại. Trường hợp không trả được thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung: Áp dụng các điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H P Adrong, ông Y K Byă có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 230.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả. Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và lời tranh luận của đương sự có mặt tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục: Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt tại một số buổi làm việc cũng như phiên tòa nên HĐXX áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án theo quy định pháp luật là phù hợp.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp thêm chứng cứ mới. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 17/7/2015 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 230.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 209000879802/HĐTD, thời hạn vay 36 tháng, trả thành các kỳ: Ngày 17/7/2016 trả 75.000.000đ, ngày 17/7/2017 trả 75.000.000đ, ngày 17/7/2018 trả 80.000.000đ, lãi suất 03 tháng trả một lần, nhưng quá hai kỳ hạn trả

nợ bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi theo thỏa thuận. Căn cứ theo quy định tại Điều 10 phần Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận nguyên đơn có quyền khởi kiện bất cứ lúc nào để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Như vậy việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Xét việc bị đơn thừa nhận hợp đồng tín dụng là do bị đơn tự nguyện xác lập ký vay với số tiền 230.000.000đ và thỏa thuận các điều khoản của hợp đồng, nay bị đơn đồng ý trả gốc và lãi (tính đến thời điểm hòa giải) nhưng xin trả thành hai đợt: đợt 1 vào tháng 11/2018 trả một nửa số tiền gốc và lãi, đợt 2 vào tháng 3/2019 trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh còn lại nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

Quá trình khởi kiện nguyên đơn yêu cầu trả gốc, lãi suất và xử lý tài sản bảo đảm nhưng quá trình tố tụng nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với xử lý tài sản bảo đảm là tự nguyện nên Toà án đã đình chỉ giải quyết một phần vụ án là đúng quy định pháp luật.

Xét đối với thỏa thuận lãi suất trong hạn và quá hạn trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của BLDS và Luật tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy, quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy quyền và lợi ích của các bên đương sự đều được bảo vệ, bị đơn đã vi phạm thỏa thuận trả nợ cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc là 230.000.000đ và phí phạt, lãi suất phát sinh tính đến ngày 14/8/2018 là 66.856.806đ, tổng cộng 296.856.806đ. Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 6.887.000đ.

Bị đơn bà H P Adrong, ông Y K Byă có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.842.840đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 266 BLTTDS;

Căn cứ vào các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bị đơn bà H P Adrong và ông Y K Byă có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền 296.856.806đ (*hai trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng*) (trong đó gốc là 230.000.000đ, phí phạt và lãi suất phát sinh tính đến ngày 14/8/2018 là 66.856.806đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 209000879802/HĐTD ngày 17/7/2015 đến khi trả hết nợ.

- Về án phí:

Bị đơn bà H P Adrong và ông Y K Byă có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.842.840đ (*mười bốn triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền 6.887.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001315 ngày 06/3/2018.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH